

MUA

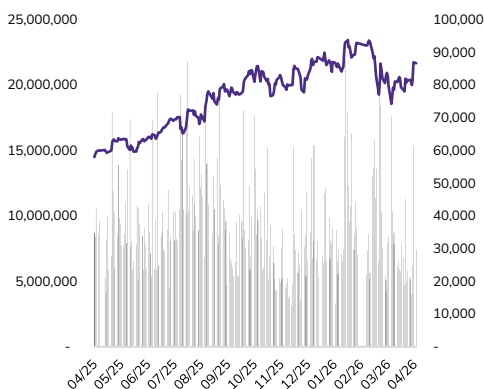
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bán lẻ
Ngày báo cáo	: 22/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 85.600
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 101.400
Tỷ lệ tăng (%)	: 18,5%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 125.697
SLCPĐLH (CP)	: 1.468.423.529

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2024A	2025A
Tăng trưởng DTT (%)	13,6%	16,1%
Tăng trưởng LNST (%)	2.124,5%	89,4%
Biên LNG (%)	20,5%	19,9%
Biên LNST (%)	2,8%	4,5%
ROA (%)	5,7%	9,16%
ROE (%)	14,6%	23,3%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,97	0,90
EPS (VND/CP)	2.545	4.786
BVPS (VND/CP)	18.983	22.181

Nguồn: FiinPro, ABS Research

MWG tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026

- Năm 2025, KQKD tăng trưởng mạnh svck và vượt xa kế hoạch đề ra.
- Doanh thu thuần năm 2025 đạt 155.928 tỷ đồng (+16% svck); lợi nhuận sau thuế đạt 7.073 tỷ đồng (+89,4% svck). Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt vượt 4% và 46% so với kế hoạch đặt ra.
 - Doanh thu chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ), Điện Máy Xanh (ĐMX), Topzone và Erablue đạt 105,7 nghìn tỷ đồng (+18% svck). Số cửa hàng ĐMX, TGDĐ và Topzone cuối năm 2025 lần lượt ở mức 2.008 cửa hàng (giảm 18 cửa hàng so với cuối năm 2024), 927 cửa hàng (giảm 8 cửa hàng so với cuối năm 2024) và 85 cửa hàng (giảm 1 cửa hàng so với cuối năm 2024). Doanh thu tăng trưởng trong bối cảnh số cửa hàng giảm cho thấy hiệu quả hoạt động trên mỗi cửa hàng đã được cải thiện.
 - Doanh thu chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX) đạt 46,9 nghìn tỷ đồng (+14% svck). Năm 2025, MWG mở mới 789 cửa hàng BHX, nâng tổng số cửa hàng BHX lên 2.559 cửa hàng.
- KQKD quý 1/2026:** Doanh thu đạt khoảng 25% kế hoạch 2026 (tức khoảng 46-47 nghìn tỷ), tương đương mức tăng trưởng 27%-30% svck; lợi nhuận khoảng 29%-30% so với mục tiêu lợi nhuận 2026 (tức khoảng 2.668 tỷ đồng – 2.760 tỷ đồng), tương đương tăng trưởng 72%-78% svck. Bên cạnh đó, tăng trưởng doanh thu DMX và BHX đều đạt kết quả tốt vào tháng 4/2026.
- Kế hoạch năm 2026:**
 - MWG đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng mạnh. Tổng doanh thu thuần hợp nhất theo kế hoạch đạt 185.000 tỷ đồng (+19% svck); LNST đạt 9.200 tỷ đồng (+30% svck). Kế hoạch kinh doanh dựa trên giả định GDP Việt Nam tăng trưởng 7,5%, đã tính đến những ảnh hưởng của thuế quan Mỹ nhưng chưa tính đến những ảnh hưởng của chiến sự tại Trung Đông.
- Đối với BHX:**
 - Mục tiêu BHX đạt tăng trưởng 20% svck, trong đó tăng trưởng cửa hàng cũ đạt tối thiểu 10%.
 - Năm 2026 BHX sẽ đẩy mạnh phục vụ khách hàng miền Bắc. BHX đã mở hơn 100 cửa hàng ở miền Bắc và đạt kết quả khả quan. BHX mở cửa hàng ở các tỉnh lân cận Hà Nội trước để tận dụng nguồn cung, kho bãi và vận chuyển.
 - BHX đang cân nhắc bán sỉ thay vì chỉ bán lẻ.
 - BHX vẫn giữ kế hoạch IPO năm 2028 và đang cố gắng đạt mục tiêu từng năm để xóa lỗ lũy kế trước IPO.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA MWG

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	%YOY
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	155.928	185.000	+19%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	7.073	9.200	+30%

Nguồn: MWG, ABS Research

✓ Đối với DMX:

- Công ty Tận Tâm được đổi tên sang Thợ DMX, là một trong các trụ cột của DMX. Dự kiến giai đoạn 1 sẽ chỉ phục vụ các sản phẩm do DMX bán ra; giai đoạn 2 sẽ mở rộng phục vụ dịch vụ cộng thêm cho các khách hàng mua sản phẩm tại DMX; giai đoạn 3 – giai đoạn 5 sẽ phục vụ cả đối tác và khách hàng bên ngoài.
- DMX đã gần như hoàn tất các thủ tục để IPO trong năm 2026.

✓ Đối với Erablue: Erablue đã có hơn 200 cửa hàng, hướng tới mục tiêu 1.000 cửa hàng với doanh thu 1 tỷ đô đầu tiên năm 2030.

✓ Đối với An Khang: đã tăng 100 cửa hàng kể từ Q3/2025, và sẽ tiếp tục mở rộng thận trọng trong năm 2026 để đạt hiệu quả.

✓ Năm 2026, MWG bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản để phục vụ nội bộ, chưa có ý định lấn sân sang mảng bất động sản.

✓ Phương án phân phối lợi nhuận 2025: MWG dự kiến chi trả cổ tức 20%/cổ phiếu, tương đương 2.000 đồng/cổ phiếu.

✓ Phát hành cổ phiếu ESOP:

- Tỷ lệ phát hành ESOP cho KQKD năm 2025 là 0,5%, tương đương 7.342.117 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Phương án phát hành ESOP 2026 dự kiến tối đa 3.000.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu ESOP phát hành sẽ dựa trên khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2026 và tăng trưởng giá cổ phiếu MWG so với tăng trưởng VNINDEX trong năm 2026.

Đánh giá triển vọng

Theo kế hoạch của MWG, tổng doanh thu thuần hợp nhất theo kế hoạch năm 2026 đạt 185.000 tỷ đồng (+19% svck); LNST đạt 9.200 tỷ đồng (+30% svck). MWG đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng doanh thu và cải thiện biên lợi nhuận trong khi vẫn mở rộng nhiều cửa hàng. Chúng tôi cho rằng MWG có thể hoàn thành kế hoạch do những yếu tố sau đây:

- Tiêu dùng được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2026, nhờ sự cộng hưởng của các yếu tố vĩ mô, chính sách và thu nhập người dân:
 - ✓ Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu tăng trưởng hai con số. Theo Bộ Công Thương, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2026 dự kiến đạt khoảng 7,88 triệu tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2025, phản ánh kỳ vọng rõ nét về sự phục hồi và mở rộng của cầu tiêu dùng trong nước.
 - ✓ Luật Thuế thu nhập cá nhân mới giúp giảm gánh nặng thuế cho người lao động, đặc biệt là nhóm thu nhập trung bình. Việc gia tăng thu nhập khả dụng không chỉ cải thiện sức mua ngắn hạn mà còn củng cố tâm lý tiêu dùng, khuyến khích chi tiêu cho cả hàng hóa thiết yếu lẫn dịch vụ, giải trí và tiêu dùng nâng cao.

Chính sách giảm thuế VAT 2% mở rộng sang vận tải, logistics và hàng hóa, dịch vụ, đồng thời tiếp tục được gia hạn đến hết năm 2026 sẽ trực tiếp làm giảm giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, qua đó kích thích tiêu dùng.

- Đối với mảng điện thoại điện máy:
 - ✓ Nhu cầu thay mới laptop dự kiến vẫn còn rất lớn cho các máy được mua trong giai đoạn Covid đã đến lúc thay mới đồng thời xu hướng sử dụng laptop AI vẫn đang gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt tại các doanh nghiệp lớn.
 - ✓ Thị phần Apple của MWG liên tục tăng trưởng trong 3 năm vừa qua, tiếp tục duy trì thị phần ở quý 1/2026 và MWG đang nỗ lực đẩy mạnh để đạt doanh thu 1 tỷ đô đối với các sản phẩm Apple vào năm 2027.
 - ✓ Đẩy mạnh bán hàng trả chậm để kích cầu tiêu dùng nhờ thông qua việc hợp tác với các công ty tài chính.
 - ✓ Nhu cầu TV có khả năng gia tăng nhờ các sự kiện bóng đá lớn sắp diễn ra.
- Đối với BHX:
 - ✓ Xu hướng tiêu dùng hiện đại hóa đang chiếm ưu thế. Theo báo cáo Vietnam Supermarket and Hypermarket Industry, thị trường FMCG đang trên đà phục hồi rõ rệt. Tổng quy mô bán lẻ năm 2025 đạt 309,7 tỷ USD, trong đó kênh bán lẻ hiện đại chiếm 27% tổng doanh thu; 62% người tiêu dùng Việt Nam mua sắm tại siêu thị và cửa hàng hiện đại mỗi tuần. Việc BHX mở rộng nhanh chóng trong giai đoạn này kỳ vọng sẽ thu hút được người tiêu dùng hiện đại.
 - ✓ Kết quả kinh doanh của BHX tại miền Bắc là khả quan và đạt kỳ vọng giai đoạn 1 cho thấy BHX vẫn tìm được công thức thành công tại thị trường đầy cạnh tranh này. Việc BHX tiếp tục mở rộng trong thời gian tới sẽ là động lực tăng trưởng cho MWG.
- CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh dự kiến chào bán IPO tối đa 179,5 triệu cổ phiếu, tương đương tỷ lệ chào bán gần 16,3% tổng số cổ phần đang lưu hành. Trong thời gian tới, BHX dự kiến sẽ được IPO vào năm 2028. Chúng tôi cho rằng việc tách riêng các công ty con và IPO từng công ty con sẽ giúp tăng giá trị của MWG nhờ việc thị trường định giá lại giá trị của các công ty con một cách độc lập, giúp từng mảng hoạt động được phản ánh đúng giá trị thực mà nó mang lại thay vì bị gộp chung.

Dự phóng và Định giá

- Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông công ty mẹ 2026F của MWG ở mức 9.154 tỷ đồng (+30,1% svck). EPS và BVPS 2026F dự kiến đạt 6.203 đ/cp và 26.790 đ/cp, tương ứng P/E và P/B ở mức 13,7x và 3,2x tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 25,4%.
- Chúng tôi nâng giá mục tiêu của MWG lên 101.400 đ/cp, tương ứng tiềm năng tăng giá 18,5% so với giá hiện tại và thay đổi khuyến nghị từ KHẢ QUAN sang khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.
- Cơ hội tăng giá:
 - ✓ Doanh thu và lợi nhuận các chuỗi tăng mạnh hơn dự kiến.
 - ✓ IPO DMX thành công với mức giá cao, gián tiếp nâng cao giá trị cho MWG.
- Rủi ro giảm giá
 - ✓ Nhu cầu tiêu dùng không cao như dự kiến.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MWG

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	155,928
Giá vốn hàng bán	102,543	(95,759)	(106,842)	(124,926)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	27,499	31,002
Doanh thu tài chính	1,313	2,167	2,377	3,107
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(1,543)
Chi phí bán hàng	(22,337)	(20,917)	(19,850)	(19,331)
Chi phí QLDN	(1,881)	(1,168)	(3,566)	(4,596)
Lợi nhuận từ HĐKD	6,575	1,047	5,227	8,664
Lãi/lỗ khác	(518)	(357.4)	(401.3)	(31.0)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	8,633
Lợi nhuận sau thuế	4,102	168	3,733	7,073
LNST cổ đông Công ty mẹ	4,100	168	3,722	7,034

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	7,976	3,436	8,517	6,096
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	1,549	(10,831)	(11,743)	(6,661)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(8,606)	7,700	2,757	667
LCT thuần trong kỳ	919	304	(468)	103
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	4,897
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,061	5,366	4,897	5,000

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.71	1.69	1.56	1.52
Khả năng thanh toán nhanh	0.31	0.34	0.32	0.30
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.19	0.17	0.12	0.10
Khả năng thanh toán lãi vay	4.88	0.30	3.59	4.81
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.43	0.39	0.40	0.40
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.57	0.61	0.60	0.60
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.69	1.08	0.97	0.90
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	0.77	0.75	0.75	0.58
Số ngày phải trả	37.24	31.78	29.22	32.57
Số ngày tồn kho	99.50	91.64	76.35	73.84
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.1%	19.0%	20.5%	19.9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	4.9%	0.9%	3.9%	5.6%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	3.1%	0.1%	2.8%	4.5%
ROE	18.5%	0.7%	14.6%	23.3%
ROA	6.9%	0.3%	5.7%	9.1%
ROIC	11.8%	0.3%	6.7%	10.7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5,061	5,366	4,897	5,000
+ Đầu tư ngắn hạn	10,069	18,937	29,324	33,874
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3,001	5,159	8,826	10,183
+ Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,245	27,267
+ Tài sản ngắn hạn khác	750	665	544	878
Tài sản ngắn hạn	44,578	51,950	65,836	77,202
+ Các khoản phải thu dài hạn	503	458	390	404
+ Tài sản cố định	9,728	6,500	3,587	2,598
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	124	4	25	91
+ Đầu tư dài hạn	231	747	242	3,136
+ Tài sản dài hạn khác	671	452	358	515
Tài sản dài hạn	11,256	8,161	4,601	6,744

Tổng Tài sản	55,834	60,111	70,438	83,946
+ Vay ngắn hạn	10,688	19,129	27,300	29,931
+ Phải trả người bán	8,746	7,927	9,180	13,114
+ Nợ ngắn hạn khác	6,566	3,710	5,836	7,725
Nợ ngắn hạn	26,000	30,765	42,316	50,770
+ Vay dài hạn	5,901	5,985	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	1	0	0
Nợ dài hạn	5,901	5,986	0	0
Tổng nợ phải trả	31,902	36,752	42,316	50,770
+ Vốn cổ phần	14,639	14,634	14,622	14,697
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	(153)
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,724	8,160	12,582	18,068
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	33,176
Tổng cộng nguồn vốn	55,834	60,111	70,438	83,946

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	8.5%	-	13.6%	16.1%
Tăng trưởng LNNT	-6.4%	88.6%	599.7%	78.9%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-16.3%	95.9%	2119.8%	89.0%
Tăng trưởng EPS	-59.2%	95.9%	2121.5%	88.0%
Tăng trưởng VCSH	105.3%	0.0%	-0.1%	0.5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-11.3%	7.7%	17.2%	19.2%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	16.21	516.68	36.50	18.16
P/B	2.78	3.71	4.89	3.92
EV/EBITDA	7.66	28.09	22.67	17.09
EV/Sales	0.58	0.90	1.18	0.98
EPS (đồng/cp)	2,801	115	2,545	4,786
BVPS (đồng/cp)	16,339	15,954	18,983	22,181

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tu hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây